**Câu hỏi bám sát đặc trưng thể loại tục ngữ. Đảm bảo cấu trúc**

**KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ II, NĂM HỌC 2022 – 2023**

**MÔN NGỮ VĂN 7**

**1. MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Kĩ năng** | **Nội dung/Đơn vị kiến thức** | **Mức độ nhận thức** | | | | | | | | **Tổng**  **% điểm** |
| **Nhận biết** | | **Thông hiểu** | | **Vận dụng** | | **Vận dụng cao** | |
| **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** |
| **1** | **Đọc hiểu** | Văn học dân gian  (tục ngữ)/ Văn bản thông tin | **3** | **0** | **5** | **0** | **0** | **2** | **0** |  | **60** |
| **2** | **Viết** | Văn nghị luận | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 40 |
| **Tổng** | | | ***15*** | ***5*** | ***25*** | ***15*** | ***0*** | ***30*** | ***0*** | ***10*** | **100** |
| **Tỉ lệ %** | | | **20%** | | **40%** | | **30%** | | **10%** | |
| **Tỉ lệ chung** | | | **60%** | | | | **40%** | | | |

**2. BẢNG ĐẶC TẢ**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Kĩ năng** | **Nội dung/Đơn vị kiến thức** | **Mức độ đánh giá** | | **Số câu hỏi theo mức độ nhận thức** | | | | |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** |
| **1** | **Đọc hiểu** | Văn học dân gian  (tục ngữ)/ Văn bản thông tin | **Nhận biết**:  - Nhận biết được thể loại văn bản  - Nhận biết được đặc điểm của tục ngữ; văn bản thông tin.  - Nhận biết số từ; biện pháp tu từ Nói quá, nói giảm nói tránh; phép liên kết  **Thông hiểu**:  - Xác định được phép liên kết; biện pháp tu từ Nói quá, so sánh, nói giảm nói tránh và tác dụng/ xác định được số từ và chức năng.  - Mở rộng thành phần chính và trạng ngữ trong câu bằng cụm từ: Xác định đúng thành phần được mở rộng trong câu.  - Xác định được mục đích, nội dung chính của văn bản.  - Hiểu và giải thích được nội dung vấn đề của văn bản.  - Xác định được chủ đề, thông điệp của văn bản.  - Xác định được nội dung, ý nghĩa của văn bản/ của các câu tục ngữ.  - Xác định mối quan hệ giữa cách triển khai thông tin chính và mục đích của văn bản/ Xác định phương tiện phi ngôn ngữ và tác dụng của nó trong văn bản.  **Vận dụng:**  - Rút ra những bài học cho bản thân từ nội dung văn bản.  - Thể hiện được thái độ đồng tình hoặc không đồng tình với vấn đề đặt ra trong văn bản. | | 3 TN | 5TN | 2TL |  |
| **2** | **Viết** | Văn Nghị luận | **Nhận biết:** Đảm bảo cấu trúc bài văn nghị luận: Mở bài, thân bài, kết bài; viết đúng chính tả, ngữ pháp.  **Thông hiểu:** Xác định đúng yêu cầu của đề, nêu được vấn đề nghị luận.  **Vận dụng:**  Viết được một bài văn nghị luận theo yêu cầu. Biết kết hợp giữa lí lẽ và dẫn chứng để làm rõ vấn đề nghị luận; ngôn ngữ trong sáng, giản dị; thể hiện được cảm xúc của bản thân trước vấn đề cần bàn luận.  **Vận dụng cao:**  Bố cục mạch lạc, lập luận chặt chẽ, giàu sức thuyết phục. | | 1\* | 1\* | 1\* | 1TL\* |
| **Tổng** | | | |  | **3 TN** | **5TN** | **2 TL** | **1 TL** |
| ***Tỉ lệ %*** | | | |  | ***20*** | ***40*** | ***30*** | ***10*** |
| **Tỉ lệ chung** | | | |  | **60** | | **40** | | |

**ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ II**

**Môn: Ngữ văn lớp 7**

*Thời gian làm bài: 90 phút, không kể thời gian giao**đề*

1. **ĐỌC HIỂU (6 điểm)**

**Đọc ngữ liệu sau và thực hiện các yêu cầu bên dưới:**

1. Chị ngã em nâng

2. Nghĩa tử là nghĩa tận

3. Đi một ngày đàng, học một sàng khôn

4. Người không học như ngọc không mà.

5. Lời nói chẳng mất tiền mua,

Lựa lời mà nói cho vừa lòng nhau.

**Câu 1**: Trong các câu tục ngữ trên, câu nào được viết theo thể thơ lục bát?

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| A. Câu 2 | B. Câu 3 | C. Câu 4 | D. Câu 5 |

**Câu 2**: Các câu tục ngữ trong ngữ liệu trên thường có bao nhiêu vế?

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| A. Hai vế | B. Bốn vế | C. Ba vế | D. Năm vế |

**Câu 3**: Câu tục ngữ “Đi một ngày đàng, học một sàng khôn” có số từ là:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| A. Đi | B. một | C. học | D. sàng |

**Câu 4**: Câu tục ngữ “Đi một ngày đàng, học một sàng khôn” đã dùng cách gieo vần như thế nào?

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| A. đàng - sàng | B. đàng - khôn | C. ngày - đàng | D. ngày - khôn |

**Câu 5**: Xác định biện pháp tu từ được sử dụng trong câu tục ngữ sau:

Người không học như ngọc không mài.

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| A. Điệp ngữ | B. Hoán dụ | C. So sánh | D. Nhân hóa |

**Câu 6**: Cho các từ ngữ: *học hỏi, hỏi han, tri thức, hiểu biết*. Em hãy lựa chọn từ ngữ thích hợp điền vào chỗ trống trong câu sau để hoàn thiện thông điệp mà câu tục ngữ “Đi một ngày đàng, học một sàng khôn” gửi tới chúng ta:

*Câu tục ngữ là lời động viên, khích lệ tinh thần (1)………………, khám phá của con người: Nên đi đến những chân trời tri thức mới để mở mang (2) ……………….., mở rộng tầm mắt và tiếp thu những tinh hoa của nhân loại.*

**Câu 7**: Theo em, nghĩa của chữ *tử* trong câu “Nghĩa tử là nghĩa tận” là gì?

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| A. Chết | B. Khai sáng | C. Đứa trẻ | D. Đi |

**Câu 8**: Câu tục ngữ nào sau đây không cùng chủ đề với các câu được nêu ở ngữ liệu?

A. Trông mặt mà bắt hình dong.

B. Chớp đông nhay nháy, gà gáy thì mưa.

C. Ăn trông nồi, ngồi trông hướng.

D. Lửa thử vàng, gian nan thử sức.

**Câu 9**: Em rút ra bài học gì từ câu tục ngữ “Người không học như ngọc không mài”?

**Câu 10**: Em có đồng ý với nội dung của câu tục ngữ sau không? Vì sao?

“Lời nói chẳng mất tiền mua,

Lựa lời mà nói cho vừa lòng nhau”.

**II. LÀM VĂN (4,0 điểm)**

Em hãy viết bài văn nghị luận bàn luận về câu tục ngữ: “Thất bại là mẹ thành công”.

----Hết----

**HƯỚNG DẪN CHẤM**

**ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ II**

**Môn: Ngữ văn lớp 7**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Phần** | **Câu** | **Nội dung** | **Điểm** |
| **I** |  | **ĐỌC HIỂU** | **6.0** |
| **1** | D | 0.5 |
| **2** | A | 0.5 |
| **3** | B | 0.5 |
| **4** | A | 0.5 |
| **5** | C | 0.5 |
| **6** | (1) học hỏi, (2) hiểu biết | 0.5 |
| **7** | A | 0.5 |
| **8** | B | 0.5 |
| **9** | HS nêu được cụ thể bài học; ý nghĩa của bài học mà bản thân tâm đắc nhất.  Gợi ý: Một viên ngọc thô không được mài giũa, đẽo gọt thì chúng cũng chỉ là một viên đá bình thường, không thể hiện được vẻ đẹp cũng như giá trị của nó. Cũng thế, con người không được học hành sẽ không có tri thức, không giúp ích được cho chính mình, cho gia đình, xã hội. Do đó, mỗi người cần chăm chỉ học tập, nâng cao hiểu biết cho mình.  Lưu ý: hs có thể diễn đạt theo cách khác, nếu hợp lí gv vẫn cho điểm. | 1.0 |
| **10** | HS nêu được nhận xét (đồng tình) về nội dung câu tục ngữ  (hs chỉ cần nêu được 2 trong các ý sau):  - Câu tục ngữ khẳng định giá trị và ý nghĩa của lời nói trong giao tiếp hằng ngày.  - Lời nói khéo léo thể hiện bản thân là một người có học, tế nhị.  - Khi chúng ta giao tiếp tốt sẽ mang lại thiện cảm cho những người xung quanh. Vì vậy, mỗi người chúng ta cần phải cân nhắc lựa lời khi nói chuyện với người khác. Khi lời nói không đúng sẽ gây tác hại cho chính bản thân và gây phản cảm cho những người xung quanh. | 1.0 |
| **II** |  | **VIẾT** | **4.0** |
|  | *a*. *Đảm bảo cấu trúc bài văn nghị luận:* Mở bài, thân bài, kết bài. | 0,5 |
|  | *b. Xác định đúng yêu cầu của đề*: Nghị luận đúng vấn đề yêu cầu: đừng nản lòng trước thất bại. | 0,5 |
|  | *c. Biết triển khai hợp lí nội dung bài văn*  HS nghị luận về câu tục ngữ theo trình tự hợp lí, cần vận dụng các phương thức biểu đạt: tự sự, nghị luận, biểu cảm. |  |
|  | **Mở bài**: Nêu vấn đề nghị luận, dẫn câu tục ngữ.  **Thân bài**:  - Giải thích câu tục ngữ:  + Thất bại: những lần vấp ngã, những khó khăn trong công việc, trong cuộc sống.  + Thành công: đạt được kết quả như ý muốn, công việc hoàn thành tốt đẹp.  => đừng nản lòng trước thất bại mà phải học tập rút kinh nghiệm thì “thất bại” sẽ dạy cho ta cách đạt kết quả cao hơn.  - Bày tỏ thái độ tán thành: trong cuộc sống, không phải lúc nào chúng ta cũng đạt được thành công. Mà đôi khi phải nếm trải thất bại. Quan trọng là cách đối diện với thất bại đó. Sau mỗi thất bại nếu ta tìm được nguyên nhân dẫn đến thất bại công việc, ta sẽ có thêm kinh nghiệm, sẽ tránh được những sai lầm sau đó và bước tiếp đến thành công.  Lí lẽ, dẫn chứng:  + Có người sợ hãi khó khăn, thất bại.  + Có người cố gắng vượt qua khó khăn, đối đầu thử thách.  + Lúc nhỏ tập xe đạp, sau mỗi lần té đau là ta sẽ biết đi  + Một số nhà bác học, doanh nhân đã thất bại nhiều lần trước khi thành công….  - Mở rộng: phê phán những người dễ bỏ cuộc; không được liều lĩnh hay mù quáng.  **Kết bài:**  - Khẳng định tính đúng đắn của vấn đề.  - Rút ra bài học cho bản thân: theo đuổi ước mơ, hoài bão, nỗ lực rèn luyện, khắc phục những điểm yếu. | 2.5 |
|  | *d. Chính tả, ngữ pháp:* Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt. | 0,5 |
|  |  |  |  |